TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn;

2. Ông Hà Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 611/2023/TLST-DS ngày 26/10/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (gọi tắt là B); địa chỉ trụ sở: A T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là người đại diện theo pháp luật;

- Ông Lê Mạnh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chi nhánh B là người được ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25-10-2021 của B;

Bà Nguyễn Minh N - chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách phòng G - Ngân hàng Đ Chi nhánh B là người được ủy quyền lại; Địa chỉ: Số B T, Phường A, Thành phố V, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: ông Võ Hồng D, sinh năm 1991;

Địa chỉ thường trú: 91 L, tổ A, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Đại diện hợp pháp của nguyên đơn - bà N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự còn lại vắng mặt không có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Minh N trình bày:

Ngày 31-05-2021, B ký kết với ông Võ Hồng D hợp đồng tín dụng 01/2021/15065867/HĐTD (gọi tắt là hợp đồng tín dụng số 01) với nội dung: B cho ông D vay số tiền 660.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng; mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất tiền vay: Lãi suất trong thời gian ưu đãi: 7,4%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân lần đầu là ngày 01/06/2021; Lãi suất sau thời gian ưu đãi: Lãi suất thả nổi, Điều chỉnh định kỳ 6 tháng/1 lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh, theo công thức bằng lãi suất tiết kiệm trả sau, kỳ hạn 12 tháng đối với khách hàng cá nhân của B tại thời điểm điều chỉnh cộng 4,3%/năm; Lãi suất cho vay quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và các nội dung cụ thể khác nêu trong hợp đồng. B đã giải ngân và ông D đã nhận đủ số tiền vay 660.000.000đồng theo bảng kê rút vốn ngày 01-6-2021. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 01, ông D đã thanh toán 38.700.000 đồng tiền gốc; 51.543.764đồng tiền lãi. Từ ngày 25-07-2022, ông D đã vi phạm nghĩa vụ, quá hạn toàn bộ tiền gốc và lãi. Tính đến ngày 25- 4-2024, ông D còn nợ số tiền: 840.910.189đồng , trong đó: nợ gốc là 621.300.000đồng, nợ lãi trong hạn 126.314.155đồng, lãi quá hạn: 60.490.171đồng, lãi phạt 10% do chậm trả lãi: 32.805.903đồng.

Ngày 01-06-2021, B ký kết với ông Võ Hồng D hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số: 15065867/02/010621 (gọi tắt là hợp đồng thẻ tín dụng) với nội dung: Hạn mức thẻ tín dụng: 50.000.000đồng; Thời gian duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 01-06-2021, và được tự động tái cấp hạn mức tín dụng khi khách hàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của B và tổng thời gian duy trì hạn mức tín dụng không vượt quá thời hạn sử dụng được in dập nổi trên thẻ; Ngày sao kê: ngày 25 hàng tháng; Ngày đến hạn thanh toán: 15 ngày sau ngày sao kê; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng (phục vụ nhu cầu đời sống của Khách hàng); Lãi suất thẻ tín dụng: 18%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng, ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền tối thiểu theo nội dung ký kết trong hợp đồng cho B. Kể từ ngày 09-08-2022, B đã chuyển toàn bộ số dư sao kê của ông D sang nợ quá hạn , cụ thể: số tiền gốc vay quá hạn: 49.181.089đồng; Lãi suất nợ quá hạn: 18%/năm. Sau thời gian trên, ông D đã tiếp tục thanh toán số tiền gốc quá hạn là 28.255.455đồng. Tính đến hết ngày

25-04-2024, ông D còn nợ B số tiền 28.151.068đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn là 20.925.634đồng, nợ lãi quá hạn là 7.231.434đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn cho 2 hợp đồng nói trên, B và ông D ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/15065867 ngày 31-05-2021 (gọi tắt là hợp đồng thế chấp) theo đó tài sản thế chấp là xe ô tô 5 chỗHiệu: PEUGEOT, loại 2008, Số khung: RN2USHNLSố máy: 1786971PSA10XVDPHN08, màu cam, biển số đăng ký: 72A-513.95 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 72006244 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp ngày 26-5-2021 để thu hồi nợ.Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tài sản thế chấp được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng.

Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán 02 hợp đồng nói trên và nguyên đơn đã thông báo yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo các hợp đồng đã ký kết nhưng ông D không thực hiện. Vì vậy, B khởi kiện yêu cầu ông D thanh toán cho B số tiền còn nợ tính đến hết ngày 25-4-2024 là 869.061.257đồng , gồm:

Tiền nợ theo hợp đồng tín dụng là 840.910.189đồng, trong đó: nợ gốc là 621.300.000đồng, nợ lãi trong hạn 126.314.155đồng, lãi quá hạn: 60.490.171 đồng, lãi phạt: 32.805.903đồng.

Tiền nợ theo thẻ tín dụng là 28.151.068đồng , trong đó: nợ gốc quá hạn là 20.925.634đồng, nợ lãi quá hạn 7.231.434đồng.

Ngoài ra, ông Võ Hồng D còn phải thanh toán cho B nợ lãi, các loại phí, lãi quá hạn phát sinh kể từ sau ngày 25-04-2024 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo các hợp đồng đã ký kết nêu trên. Trong trường hợp ông Võ Hồng D vẫn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, đề nghị Tòa án thực hiện phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/15065867/HĐBĐ ngày 31-05-2021 theo quy định để B thu hồi nợ.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Võ Hồng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký; nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đã tiến hành các thủ tục tống đạt đối với nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định nhưng nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt

không có lý do tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: B khởi kiện yêu cầu ông Võ Hồng D trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống nên đây là vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bên ký kết hợp đồng tại trụ sở BIDV Chi nhánh B; Địa chỉ: Số B T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến và chứng cứ nộp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn và căn cứ trên chứng cứ nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu trả số tiền gốc, lãi của nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 01 và hợp đồng thẻ tín dụng thì thấy:

Xét đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bảng kê tính lãi chi tiết đến hết ngày 25-4-2024 và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thẻ tín dụng; Bảng kê rút vốn... có hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật, được các bên ký kết thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết. B đã giải ngân và ông D đã nhận đủ số tiền vay theo các hợp đồng. Do ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho B theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng nên B khởi kiện yêu cầu ông D thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ. Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

Tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền gốc và lãi còn nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến hết ngày 25-4-2024 là 869.061.257đồng, gồm:

Tiền nợ theo hợp đồng tín dụng là 840.910.189đồng, trong đó: nợ gốc là 621.300.000đồng, nợ lãi trong hạn là 126.314.155đồng, lãi quá hạn là 60.490.171đồng, lãi phạt là 32.805.903đồng.

Tiền nợ theo thẻ tín dụng là 28.151.068đồng , trong đó: nợ gốc quá hạn là 20.925.634đồng, nợ lãi quá hạn là 7.231.434đồng.

Ngoài ra, ông Võ Hồng D còn phải thanh toán cho B nợ lãi, các loại phí, lãi quá hạn phát sinh kể từ sau ngày 25-04-2024 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo các hợp đồng đã ký kết nêu trên.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ:

Xét hợp đồng thế chấp tài sản thì thấy: Hợp đồng được ký kết giữa B và ông Võ Hồng D trên cơ sở tự nguyện, hình thức, nội dung hợp pháp. Tài sản thế chấp là xe ô tô 5 chỗHiệu: PEUGEOT, Số loại 2008, Số khung: RN2USHNL Số máy: 1786971PSA10XVDPHN08, màu cam, biển số đăng ký: 72A-513.95, theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 72006244 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp ngày 26-5-2021 để thu hồi nợ.đồng thế chấp được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tài sản thế chấp được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Do đó, căn cứ Điều 317, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô 5 chỗHiệu: PEUGEOT, Số loại 2008, Số khung: RN2USHNL Số máy: 1786971PSA10XVDPHN08, màu cam, biển số đăng ký: 72A-513.95, theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số:72006244 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp ngày 26-5-2021 để thu hồi nợtrong trường hợp ông D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 01 và hợp đồng thẻ tín dụng.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Hồng D có trách nhiệm thanh toán tiền nợ cho B nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

B không phải chịu án phí, hoàn trả cho B tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm g Khoản 1 Điều 40; Khoản 1 Điều 147; Điều 157; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 317, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

2. Buộc ông Võ Hồng d trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 869.061.257đồng (*T1 trăm sáu mươi chín triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng*), gồm:

Tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/15065867/HĐTD ngày 31-05-2021 là 840.910.189đồng (*T1 trăm bốn mươi triệu, chín trăm mười nghìn, một trăm tám mươi chín đồng*), trong đó: nợ gốc là 621.300.000đồng, nợ lãi trong hạn 126.314.155đồng, lãi quá hạn là 60.490.171đồng, lãi phạt là 32.805.903đồng.

Tiền nợ theo hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số15065867/02/010621 ngày 01-6-2021 là 28.151.068đồng (*Hai mươi tám triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó: nợ gốc quá hạn là 20.925.634đồng, nợ lãi quá hạn 7.231.434đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 01/2021/15065867/HĐTD và hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số: 15065867/02/010621 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng nói trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

Trường hợp ông D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/15065867/HĐTD ngày 31-05-2021 và hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số: 15065867/02/010621 thì Ngân hàng

Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô 5 chỗHiệu: PEUGEOT, Số loại: 2008, Số khung: RN2USHNL Số máy: 1786971PSA10XVDPHN08,: 72006244 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp ngày 26-5-2021 để thu hồi nợ.Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì ông D phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; trường hợp dư thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có trách nhiệm trả lại cho ông D.

3. Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải hoàn trả lại cho ông Võ Hồng D bản chính Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 72006244 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp ngày 26-5-2021 ngay sau khi ông Võ Hồng D thanh toán xong các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/15065867/HĐTD ngày 31-05-2021 và hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số: 15065867/02/010621 ngày 01-6-2021.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Hồng D phải chịu 38.071.838đồng (*ba mươi tám triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 17.000.000đồng (*mười bảy triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001442 ngày 18-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trà My